

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và giá gói thầu số 02 - Tư vấn khảo sát, lập thiết kế BVTC, dự toán xây dựng công trình đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 975/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 234/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu thuộc dự án Đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 474/TTr-SGTVT ngày 28/01/2021 về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình Đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành, kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 473/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình Đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình giao thông đường bộ, cấp III.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Thành Minh và Thành Yên, huyện Thạch Thành.

4. Quy mô đầu tư

4.1. Phần đường:

- Tuyến chính: Đường cấp V miền núi (theo TCVN 4054-2005); vận tốc thiết kế $V_{tk}=30\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=6,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$.

- Hai tuyến nhánh: Đường GTNT loại B (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải); vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$.

4.2. Công trình thoát nước: Tải trọng thiết kế H30-XB80, tần suất $P=4\%$ (đối với cầu nhỏ, cống) và $P=100\%$ đối với tràn liên hợp.

4.3. Hệ thống an toàn giao thông: Trên tuyến bố trí hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

5. Phạm vi khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công:

Tổng chiều dài tuyến 13,6km; gồm tuyến chính và 02 tuyến nhánh.

a) Tuyến chính: Đi qua địa phận xã Thành Minh và xã Thành Yên. Điểm đầu Km0+00 giao với ĐT.522 thuộc địa phận làng Sồi, xã Thành Minh; điểm cuối Km7+872,31 giao với đường Thành Mỹ - Thành Yên tại ngã ba làng Sánh, xã Thành Yên. Chiều dài 7,96km.

b) Tuyến nhánh:

- Tuyến nhánh 1: Đi qua địa phận thôn Mục Long, thôn Mặc thuộc xã Thành Minh. Điểm đầu Km0+00 giao với tuyến chính tại Km4+430,29 thuộc địa phận thôn Mục Long; điểm cuối Km3+593,62 giao với ĐT.522 tại Km26+790 thuộc địa phận thôn Mặc. Chiều dài 3,61km.

- Tuyến nhánh 2: Đi qua địa phận thôn Mục Long, thôn Sồi và thôn Luông xã Thành Minh. Điểm đầu Km0+00 giao với tuyến chính tại Km3+311,04; điểm cuối Km2+383,1 đến ranh giới tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Ninh Bình. Chiều dài 2,37km.

6. Hệ thống quy trình, quy phạm áp dụng: Theo quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành.

7. Nhiệm vụ và khối lượng thực hiện: Theo Tờ trình số 474/TTr-SGTVT ngày 28/01/2021 của Sở Giao thông vận tải.

8. Giá trị dự toán phê duyệt: 2.187.375.000 đồng (Hai tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); trong đó:

- | | | |
|--|---------------|-------|
| - Chi phí khảo sát | 1.386.640.000 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng khảo sát (5%) | 69.332.000 | đồng; |
| - Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán | 642.478.000 | đồng; |
| - Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát | 37.817.000 | đồng; |
| - Chi phí giám sát khảo sát | 51.108.000 | đồng. |

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Phê duyệt giá gói thầu số 02 (Tur vắn khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán) là **2.098.450.000 đồng** (giá gói thầu đã bao gồm 5% chi phí dự phòng khối lượng phát sinh).

Giá gói thầu trên thay thế cho giá gói thầu ghi trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. UBND huyện Thạch Thành tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 473/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/01/2021.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H' 4.290, 4.293).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC DỰ TOÁN
CHI PHÍ KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ BVTC - DỰ TOÁN

Công trình: Đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ
A	Chi phí khảo sát xây dựng	Dự toán chi tiết	1.386.640.000
I	Chi phí trực tiếp	VL + NC + M	685.239.904
1	Chi phí vật liệu	Theo bảng tính toán	38.396.406
2	Chi phí nhân công	Theo bảng tính toán	601.362.909
3	Chi phí máy thi công	Theo bảng tính toán	45.480.589
II	Chi phí gián tiếp	C + LT + TT	450.419.352
1	Chi phí chung	NC x 70%	420.954.036
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 2,3%	15.760.518
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2,0%	13.704.798
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	(T + GT) x 6%	68.139.555
IV	Chi phí khác phục vụ công tác khảo sát	G _{lpa} + G _{lbc}	56.782.963
1	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	(T + GT) x 2%	22.713.185
2	Lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	(T + GT) x 3%	34.069.778
	Chi phí khảo sát trước thuế	T + GT + TL + C _{pvks}	1.260.581.774
V	Thuế giá trị gia tăng	G x 10%	126.058.177
	Chi phí khảo sát sau thuế	G + GTGT	1.386.640.000
B	Chi phí dự phòng khối lượng khảo sát phát sinh	G_{xd} x 5%	69.332.000
C	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	Theo Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	642.478.000
D	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	G_{kstt}*3%	37.817.000
E	Chi phí giám sát công tác khảo sát	G_{kstt}*4,054%	51.108.000
	Tổng cộng	A+B+C+D+E	2.187.375.000